| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 1914/QĐ-UBND | *Đông Triều, ngày 18 tháng 9 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đính chính diện tích ô đất thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư đô thị mới tại khu Kim Thành, phường Kim Sơn được UBND thị xã Đông Triều phê duyệt tại Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 và điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 26/7/2021**

## ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 "Về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị"; số 44/2015/NĐ-CP ngày 16/5/2015 "Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng"; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ xây dựng "Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù";*

*Căn cứ Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND thị xã Đông Triều về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư đô thị mới tại khu Kim Thành, phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều; Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND thị xã Đông Triều về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ ranh giới Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư đô thị mới tại khu Kim Thành, phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều;*

*Theo đề nghị của phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 294/TTr-QLĐT ngày 17/9/2021.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt đính chính diện tích ô đất thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư đô thị mới tại khu Kim Thành, phường Kim Sơn đã

được UBND thị xã Đông Triều phê duyệt tại Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 và điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 26/7/2021; cụ thể như sau:

**1. Lý do đính chính:** Sai sót trong tính toán diện tích ô đất và cộng sai số học đối với phần diện tích đất ở và diện tích đất giao thông, hành lang kỹ thuật.

**2. Nội dung đính chính:**

*a. Đính chính bảng cơ cấu sử dụng đất:*

| *STT* | *Danh mục sử dụng đất* | *Diện tích (m2)* | | | *Ghi chú* |
|---|---|---|---|---|---|
| | | *QH được duyệt* | *Điều chỉnh cục bộ* | *Tăng (giảm)* | |
| 1 | Đất dịch vụ thương mại | 11.675,7 | 11.675,7 | | |
| 2 | Đất xây dựng nhà ở | 16.975,7 | 18.959,7 | +1.984,0 | Cộng thiếu lô đất NO-09 |
| 3 | Đất cây xanh, khu vui chơi, thể thao | 7.624,3 | 7.624,3 | | |
| 4 | Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật | 31.420,8 | 29.436,8 | -1.984,0 | Sai số tổng hợp |
| | Tổng diện tích | 67.696,5 | 67.696,5 | | Giữ nguyên ranh giới |

*b. Đính chính số liệu bảng chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:*

| *STT* | *Hạng mục* | *Ký hiệu lô đất* | *Diện tích (m2)* | | | *Ghi chú* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | *Theo QH đã duyệt* | *Điều chỉnh cục bộ* | *Tăng (giảm)* | |
| I | Đất dịch vụ thương mại (Triển khai theo dự án riêng) | | 11.675,7 | 11.675,7 | | |
| 1 | Lô đất dịch vụ thương mại | DVTM1 | 3.161,8 | 3.161,8 | | |
| 2 | Lô đất dịch vụ thương mại | DVTM2 | 2.485,0 | 2.485,0 | | |
| 3 | Lô đất dịch vụ thương mại | DVTM3 | 2.505,7 | 2.505,7 | | |
| 4 | Lô đất dịch vụ thương mại | DVTM4 | 3.523,2 | 3.523,2 | | |
| II | Đất xây dựng nhà ở | | 16.975,7 | 18.959,7 | +1.984,0 | Cộng thiếu lô đất NO-09 |
| 1 | Lô nhà ở liên kế | NO-01 | 900,0 | 900,0 | | |

| STT | Hạng mục | Ký hiệu lô đất | Diện tích (m2) | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Theo QH đã duyệt | Điều chỉnh cục bộ | Tăng (giảm) | |
| 2 | Lô nhà ở liên kế | NO-02 | 1.507,0 | 1.507,0 | | |
| 3 | Lô nhà ở liên kế | NO-03 | 1.400,0 | 1.372,9 | -27,1 | Điều chỉnh diện tích lô đất theo bản đồ |
| 4 | Lô nhà ở liên kế | NO04 | 2.800,0 | 2.800,0 | | |
| 5 | Lô nhà ở liên kế | NO-05 | 1.774,0 | 1.774,0 | | |
| 6 | Lô nhà ở liên kế | NO-06 | 2.336,6 | 2.336,6 | | |
| 7 | Lô nhà ở biệt thự | NO-07 | 5.003,4 | 5.003,4 | | |
| 8 | Lô nhà ở liên kế | NO-08 | 1.281,8 | 1.281,8 | | |
| 9 | Lô nhà ở liên kế | NO-09 | 1.984,0 | 1.984,0 | | |
| III | Đất cây xanh, khu vui chơi, thể thao | | 7.624,3 | 7.624,3 | | |
| 1 | Đất cây xanh thể dục thể thao | CXTT1 | 4.848,6 | 4.848,6 | | |
| 2 | Đất cây xanh công cộng | CX01 | 734,8 | 734,8 | | |
| 3 | Đất cây xanh công cộng | CX02 | 632,7 | 632,7 | | |
| 4 | Đất cây xanh công cộng khác | CX | 1.408,2 | 1.408,2 | | |
| IV | Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật | | 31.420,8 | 29.436,8 | -1.984,0 | Sai số tổng hợp |
| 1 | Lô đất khu xử lý nước thải | HTKT | 1.829,1 | 1.829,1 | | |
| 2 | Đất giao thông, bãi đỗ xe, đất khác | | 29.591,7 | 27.607,7 | -1.984,0 | Sai số tổng hợp |
| | Tổng diện tích | | 67.696,5 | 67.696,5 | | |

*c. Đính chính thôn tin một số ô đất trong các lô đất:*

| Tên lô đất | Tên ô đất | Theo QH được duyệt | Nội dung đính chính | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| Lô NO-03 | 11 | 96,7 $m^2$ | 96,8 $m^2$ | Sai số học trong tính toán diện tích ô đất |
| | 12 | 94,5 $m^2$ | 94,6 $m^2$ | |
| Lô NO-06 | 08 | 144,6 $m^2$ | 144,5 $m^2$ | |

| *Tên lô đất* | *Tên ô đất* | *Theo QH được duyệt* | *Nội dung đính chính* | *Ghi chú* |
|---|---|---|---|---|
| Lô NO-07 | 01 | 463,4 $m^2$ | 463,5 $m^2$ | Sai số học trong tính toán diện tích ô đất |
| | 08 | 406,3 $m^2$ | 391,2 $m^2$ | |
| | 09 | 406,3 $m^2$ | 391,2 $m^2$ | |
| Lô NO-08 | | Ô số 05 | Ô số 04 | Đánh lại số thứ tự ô đất |
| | | Ô số 06 | Ô số 05 | |
| | | Ô số 07 | Ô số 06 | |
| | | Ô số 08 | Ô số 07 | |
| | | Ô số 09 | Ô số 08 | |
| | | Ô số 10 | Ô số 09 | |
| | | Ô số 11 | Ô số 10 | |
| | | Ô số 12 | Ô số 11 | |
| | | Ô số 13 | Ô số 12 | |
| Lô NO-09 | 07 | 143,0 $m^2$ | 143,1 $m^2$ | Sai số học trong tính toán diện tích ô đất |

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

- Quyết định này thay thế Bảng cân bằng sử dụng đất tại Mục 2, Điều 1 Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 và đính chính số liệu diện tích trong bản đồ được duyệt kèm theo.

- Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 và Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND thị xã Đông Triều; Quyết định này là một phần không tách rời của Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 và Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND thị xã Đông Triều.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng phòng Quản lý đô thị, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã, Chủ tịch UBND phường Kim Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***
- CT, P1, P2, P3;
- Như điều 2,3 (thực hiện);
- Lưu. VT, TH5, QLĐT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Ngoãn**